

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NỘI THẤT LÝ GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NỘI THẤT LÝ GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LY GIA CONSTRUCTION INTERIORS
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LY GIA INTERIORS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109655847

3. Ngày thành lập: 01/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 ngõ 816/75 đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66666.151/ 0987275692 Fax:

Email: lygiainteriors@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
16.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
20.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Điều 4 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ tư vấn hồ sơ mời thầu (Điều 7 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ tư vấn đánh giá hồ sơ đấu thầu (Điều 4 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 - Luật xây dựng năm 2014). - Dịch vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 152 - Luật xây dựng 2014). - Dịch vụ lập dự án đầu tư xây dựng (Điều 52 - Luật xây dựng 2014). - Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng (Điều 3 - Luật xây dựng 2014).	7490
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410(Chính)
24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc (Điều 3 - Luật Kiến trúc năm 2019) - Dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Dịch vụ Thiết kế cơ - điện công trình (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thiết kế cấp - thoát nước công trình (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ giám sát thi công xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Dịch vụ đo bóc khối lượng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ xác định, thẩm tra dự toán xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động	7110

	xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ kiểm soát chi phí xây dựng công trình (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Dịch vụ khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng (Điều 3 – Luật xây dựng năm 2014) - Dịch vụ thiết kế kiến trúc cảnh quan (Điều 19 – Luật Kiến trúc năm 2019). - Dịch vụ tư vấn định giá xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Điều 56 Luật xây dựng năm 2014) - Dịch vụ tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41-Nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 42-Nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43-Nghị định 79/2014/NĐ-CP)	
25.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Cơ sở lưu trú khác	5590
40.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
41.	Cho thuê xe có động cơ	7710
42.	Điều hành tua du lịch	7912
43.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn tổng hợp	4690
54.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
58.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
60.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - - Môi giới bất động sản (Điều 3- Luật kinh doanh bất động sản 2014). - - Tư vấn bất động sản (Điều 3- Luật kinh doanh bất động sản 2014).	6820
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 – Luật Thương mại)	8299
62.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THẨM	Việt Nam	Thôn Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	10,000	042186000062	
2	LÝ MINH NHÂN	Việt Nam	Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.100.000.000	90,000	075086000402	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÝ MINH NHÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075086000402

Ngày cấp: 17/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3 ngõ 816/75 đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội